

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-PT

Ngày 19/12/2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nam;
- Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoành;
Ông Ma Hồng Thắng;
- *Thư ký phiên toà:* Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2023/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2023/QĐ-PT, ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Số nhà 05, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.
2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1982;
Nơi ở hiện nay: Tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.
3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thị Th, sinh năm 1982; Nơi ở hiện nay: Tổ 16, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có trải qua thời gian tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương đến ngày 13/10/2005 vợ chồng anh đăng ký kết hôn

tại UBND phường T, thành phố T. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, cả hai vợ chồng anh chị đều làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn nhiều nhất là từ tháng 6 năm 2021. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mặc dù cả hai đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng cũng không có kết quả, vợ chồng anh chính thức sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, hai bên không còn tình cảm vợ chồng, khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhiều lần nhưng cũng không cải thiện được. Hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không hàn gắn được. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị Th được ly hôn càng sớm càng tốt.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, cháu Lê Phương L, sinh ngày 12/3/2007 và cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012.

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/6/2023 anh T và chị Th đã thuận tình ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương L, chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc B, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Bích 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/tháng. Nhưng đến ngày 08/6/2023 chị Th có đơn đề nghị không nhất trí thuận tình ly hôn. Tại biên bản hoà giải ngày 07/7/2023 anh T đề nghị việc giao con cho anh nuôi dưỡng cháu nào anh cũng đồng ý, anh không cấp dưỡng nuôi con chung như biên bản hoà giải ngày 07/6/2023.

- Tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng anh không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

**Tại bản tự khai và biên bản hoà giải bị đơn chị Phạm Thị Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2005 đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, thời gian đầu khi mới kết hôn chị với anh T chung sống khá hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên vợ chồng chị đều hoà giải được, tuy nhiên từ năm 2021 đến nay anh T có quan hệ với nhiều thành phần phức tạp trong xã hội, từ đó anh T có quan hệ ngoại tình với nhiều cô gái khác bất chấp sự khuyên ngăn của gia đình bạn bè và người thân, anh T không còn quan tâm đến chị và gia đình, các con đều hay ốm đau bệnh tật, vì thế vợ chồng chị sống với nhau thiếu hoà hợp và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, chị đã cố gắng giữ gìn hạnh phúc, khuyên ngăn anh T nhưng không thành và còn phát sinh nhiều mâu thuẫn mới khác và những mâu thuẫn sau còn có tính chất nghiêm trọng hơn mâu thuẫn trước. Trước diễn biến phức tạp và do nhận thấy một mình chị cố gắng giải quyết là chưa đủ, chị cũng chủ động nhờ cậy những người thân, bạn bè, hàng xóm và cơ quan đồng nghiệp để khuyên ngăn hoà giải mâu thuẫn cho chị và anh T, tuy nhiên tất cả sự cố gắng vẫn không thể hoà giải được mâu thuẫn giữa chị với anh T. Đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh T nhiều đến mức mà bất kỳ góc độ nào, khía cạnh nào trong đời sống hôn nhân đều mâu thuẫn. Nhưng chị Th vẫn không nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung, cháu Lê Phương L, sinh ngày 12/3/2007 và cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012. Ly hôn anh T nuôi cháu Lê Phương L, để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc B, đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi cháu Bích mỗi tháng 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

- Tài sản chung: Chị đề nghị Toà án giải quyết, vợ chồng chị có hai diện tích đất và đất nghĩa trang tại xã K (cụ thể tài sản địa chỉ, diện tích đất chị không biết), tài liệu chứng minh tài sản chị không có để cung cấp cho Toà án, chị đề nghị cho chị thời gian 04 tháng để chị làm lại giấy tờ nhà đất, nên chị không xác định được giá trị tài sản và cũng không có tài liệu chứng minh để làm đơn khởi kiện chia tài sản trong vụ án này.

- Về vay nợ: Vợ chồng chị không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải theo quy định. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn chị Phạm Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Phương L, sinh ngày 12/3/2007 cho anh Lê Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 26/10/2023 và ngày 27/10/2023, chị Phạm Thị Th có đơn kháng cáo đối với bản án số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố T, với lý do chị Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị xin đoàn tụ để cùng nhau chung sống nuôi dạy chăm sóc các con, vì các con còn nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo, thường xuyên ốm đau phải đưa đi điều trị. Nếu Toà vẫn xử cho vợ chồng chị ly hôn thì đề nghị buộc anh T cấp dưỡng cho cháu Bích mỗi tháng 3.000.000 đồng trở lên. Vì mức lương của chị mỗi tháng 3.940.000 đ, còn anh T mức lương mỗi tháng 9.209.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm: Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn anh T vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, về con chung anh T yêu cầu nuôi cháu Lê Phương L, anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Ngọc B mỗi tháng 2.000.000

đồng, về tài sản anh T không yêu cầu giải quyết, về vay nợ chung anh T xác định vợ chồng anh không vay nợ ai.

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị Th không nhất trí ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng chị đoàn tụ, nếu Toà án vẫn xử vợ chồng chị ly hôn thì chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lê Ngọc B mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên toà phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị Th là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Th về việc đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ. Xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Th về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Ngọc B.

Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Phương L, sinh ngày 12/3/2007 cho anh Lê Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Về án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho chị Phạm Thị Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000163 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thị Th:

Trong các ngày 26/10/2023 và ngày 27/10/2023, chị Phạm Thị Th có đơn kháng cáo đối với bản án số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố T. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo được chấp nhận là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thanh T và bị đơn chị Phạm Thị Th đều xác nhận trong cuộc sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, không được giải quyết dứt điểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Th là đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của chị Th cho rằng vợ chồng chị vẫn còn tình cảm với nhau, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh T khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với chị Th và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị Th không chứng minh được lý do yêu cầu anh T quay về đoàn tụ. Do vậy cần giữ nguyên phần quyết định ly hôn để đảm bảo cuộc sống của các bên như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung:

Đối với phần giao con chung HĐXX thấy đã phù hợp nên cần giữ nguyên.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Th đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 với mức 3.000.000 đ/tháng trở lên. HĐXX xét thấy: Điều kiện hiện tại của chị Th chưa có nhà ở riêng để ổn định cuộc sống sau ly hôn, mức lương của chị Th theo tài liệu hồ sơ thể hiện mức lương tháng 8, tháng 9, tháng 10 năm 2023 mỗi tháng 3.583.000 đồng, còn mức lương của anh T mỗi tháng 9.209.000 đồng. Với mức lương của chị Th mỗi tháng 3.583.000 đồng chia đều cho chị Th và cháu Bích sẽ rất khó duy trì cuộc sống ở mức bình thường. Tuy nhiên anh T cũng phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng đối với một con chung là cháu Lê Phương L, sinh ngày 12/02/2007, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con của chị Phạm Thị Th là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Ngọc B mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Vì vậy HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu Lê Ngọc B đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh T và chị Phạm Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh T và chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Th được chấp nhận một phần nên chị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho chị Th số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Th về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị Th đoàn tụ với nhau.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Th về việc đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngọc B.

Sửa bản án Hôn nhân gia đình số 344/2023/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Phương L, sinh ngày 12/02/2007 cho anh Lê Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 cho chị Phạm Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 12/6/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi cháu Lê Ngọc B đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh T và chị Phạm Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phạm Thị Th, nếu anh Lê Thanh T chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho chị Phạm Thị Th số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000163 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/12/2023)./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi Cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phúc An Hoàn

Ma Hồng Thắng

Nguyễn Đức Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Chương

Ma Hồng Thắng

Ma Hồng Thắng

